**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**BÀI TẬP LỚN MÔN HỌC**

**KĨ THUẬT PHẦN MỀM**

XÂY DỰNG TRANG WEB BÁN HÀNG

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Vũ Quang Dũng**

**Sinh viên thực hiện: Đinh Thị Ngọc Anh(22010069)**

**Khoá: K16 – 2022 - 2026**

**Ngành/ chuyên ngành: Công nghệ thông tin**

Hà nội, tháng 06 năm 2024

**LỜI CẢM ƠN**

Em xin cảm ơn ThS.Vũ Quang Dũng đã tận tình giảng dạy và hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành bài tập lớn môn học ….

# 

# LỜI CAM ĐOAN

Em cam đoan bài tập lớn môn học là sản phẩm trí tuệ của em. Mọi thông tin, dữ liệu, hình ảnh,.. được sử dụng từ các nguồn khác đều được trích dẫn đầy đủ và có thể tìm thấy các tài liệu liên quan thông qua mục tài liệu tham khảo.

Em xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài tập lớn môn học mà em đã nộp.

Hà nội, ngày 4 tháng 6 năm 2024

Ngọc Anh

Đinh Thị Ngọc Anh

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**MỤC LỤC**

[LỜI CẢM ƠN ii](#_Toc168211525)

[LỜI CAM ĐOAN iii](#_Toc168396204)

[DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT v](#_Toc168396205)

[CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 1](#_Toc168396206)

[1.1 Khái niệm về thương mại điện tử 1](#_Toc168396207)

[1.2 Lịch sử hình thành thương mại điện tử 1](#_Toc168396208)

[1.3 Đặc điểm của thương mại điện tử 2](#_Toc168396209)

[1.4 Một số lưu ý làm nên thành công của trang web thương mại điện tử 3](#_Toc168396210)

[CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG 4](#_Toc168396211)

[2.1 Ngôn ngữ HTML 4](#_Toc168396212)

[2.2 CSS (Cascading Style Sheets) 5](#_Toc168396213)

[2.3 Giới thiệu về Bootstrap 4 6](#_Toc168396214)

[CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG 7](#_Toc168396215)

[3.1 Biểu đồ Use-case 7](#_Toc168396216)

[3.1.1 Danh sách các Actor 7](#_Toc168396217)

[3.1.2 Danh sách các UseCase 7](#_Toc168396218)

[3.2 Biểu đồ Use-case tổng quát 8](#_Toc168396219)

[3.3 Đặc tả Use-case quản lí sản phẩm 8](#_Toc168396220)

[3.4 Đặc tả Use-case quản lí hóa đơn nhập 9](#_Toc168396221)

[3.5 Đặc tả Use-case quản lí hóa đơn bán 9](#_Toc168396222)

[3.6 Đặc tả Use-case quản lí nhân viên 10](#_Toc168396223)

[3.7 Đặc tả Use-case quản lí thống kê, báo cáo 10](#_Toc168396224)

[3.8 Thiết kế cơ sở dữ liệu 11](#_Toc168396225)

[3.8.1 Thiết kế cơ sở dữ liệu 11](#_Toc168396226)

[3.8.2 Chi tết các trường và rằng buộc 11](#_Toc168396227)

[CHƯƠNG 4: DEMO GIAO DIỆN WEBSITE 16](#_Toc168396228)

[4.1 Page Home 16](#_Toc168396229)

[4.2 Page Contact 16](#_Toc168396230)

[4.3 Page Categories 17](#_Toc168396231)

[4.4 Page Single 17](#_Toc168396232)

[CHƯƠNG 5: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 18](#_Toc168396233)

[5.1 Thêm ngôn ngữ javascrip cho trang website 18](#_Toc168396234)

[5.2 Liên kết database vào trang website 18](#_Toc168396235)

[5.4 Tối ưu trang Website 18](#_Toc168396236)

[Reference 19](#_Toc168396237)

# 

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ viết tắt** | **Giải thích** |
| TMĐT | Thương mại điện tử |
| EDI | **Trao đổi dữ liệu điện tử** (Electronic Data Interchange) |
| WWW | World wide web |
| CNTT | Công nghệ thông tin |

## CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

## 1.1 Khái niệm về thương mại điện tử

Thương mại điện tử (E-Commerce) là hình thức kinh doanh trực tuyến sử dụng nền tảng công nghệ thông tin với sự hỗ trợ của Internet để thực hiện các giao dịch mua bán, trao đổi, thanh toán trực tuyến.



Thương mại điện tử (TMĐT) là xu hướng của thời đại toàn cầu hóa, đây là lĩnh vực tiềm năng để các doanh nghiệp vừa và nhỏ sinh lợi và phát triển, cơ hội cho những ai muốn khởi nghiệp kinh doanh theo mô hình mới.

Mô hình kinh doanh Thương mại điện tử được xem như một trong những giải pháp thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc gia.

## 1.2 Lịch sử hình thành thương mại điện tử

Lịch sử hình thành thương mại điện tử (TMĐT) trải qua nhiều giai đoạn phát triển, đánh dấu bởi những cột mốc quan trọng sau:

**Thập niên 60-70:** Hệ thống điện tử đầu tiên, EDI ra đời.

**Thập niên 80:** Xuất hiện mua bán trực tuyến qua BBS, Videotex. Minitel, Electronic Mall ra mắt.

**Thập niên 90:** WWW bùng nổ, Amazon, eBay, PayPal ra đời.

**Thập niên 2000:** Dot-com bubble, mạng xã hội, TMĐT đa dạng.

**Thập niên 2010-nay:** TMĐT di động bùng nổ, Shopee, Lazada, Tiki phổ biến, ứng dụng mới như thanh toán di động, AI, IoT.

**Kết luận:**

Lịch sử hình thành TMĐT là một hành trình dài với nhiều bước phát triển quan trọng. TMĐT đã và đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội, mang lại nhiều lợi ích cho cả người mua và người bán.

## 1.3 Đặc điểm của thương mại điện tử

Thương mại điện tử (TMĐT) sở hữu nhiều đặc điểm nổi bật, so với hình thức mua bán truyền thống:

**1. Môi trường giao dịch:**

* Hoạt động trên nền tảng Internet, không bị giới hạn bởi không gian địa lý.
* Khách hàng có thể mua sắm mọi lúc mọi nơi, chỉ cần có thiết bị kết nối mạng.

**2. Công cụ thực hiện:**

* Sử dụng các thiết bị điện tử như máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng,... và mạng viễn thông.
* Quy trình mua bán được thực hiện trực tuyến, từ tìm kiếm sản phẩm, thanh toán đến giao hàng.

**3. Hoạt động kinh doanh:**

* Mua bán hàng hóa và dịch vụ dưới nhiều hình thức phong phú: Bán lẻ, bán sỉ, đấu giá, đặt hàng,...
* Cung cấp đa dạng sản phẩm từ nhiều ngành hàng khác nhau, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

**4. Hình thức giao dịch:**

* Giao dịch có thể hữu hình (giao hàng hóa vật lý) hoặc vô hình (cung cấp dịch vụ số).
* Hình thức thanh toán đa dạng: Tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng, thanh toán qua cổng thanh toán trực tuyến,...

**5. Ưu điểm:**

* Tiện lợi, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và công sức cho cả người mua và người bán.
* Giá cả cạnh tranh do tiết kiệm chi phí mặt bằng, nhân công,...
* Phạm vi tiếp cận rộng, có thể tiếp cận khách hàng tiềm năng trên toàn thế giới.
* Nhiều lựa chọn sản phẩm và dịch vụ hơn so với mua sắm truyền thống.

**6. Nhược điểm:**

* Rủi ro lừa đảo, hàng giả, hàng nhái cao hơn so với mua sắm truyền thống.
* Vấn đề bảo mật thông tin cá nhân và thanh toán trực tuyến.
* Khó khăn trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trực tiếp.
* Chi phí vận chuyển có thể cao đối với một số sản phẩm và khu vực.

**Kết luận:**

TMĐT mang đến nhiều lợi ích và thay đổi cách thức mua bán truyền thống. Tuy nhiên, người mua và người bán cần nâng cao nhận thức về các rủi ro tiềm ẩn để thực hiện các giao dịch an toàn và hiệu quả.

## 1.4 Một số lưu ý làm nên thành công của trang web thương mại điện tử

Để xây dựng một trang web thương mại điện tử (TMĐT) thành công, thu hút khách hàng và gia tăng doanh thu, cần lưu ý một số yếu tố quan trọng sau:

**1. Giao diện website:**

* Thiết kế đẹp mắt, thân thiện với người dùng, dễ dàng điều hướng.
* Hiển thị hình ảnh sản phẩm chất lượng cao, đầy đủ thông tin.

**2. Sản phẩm và dịch vụ:**

* Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của khách hàng mục tiêu.
* Giá cả cạnh tranh, có chính sách bán hàng và đổi trả hợp lý.
* Cập nhật sản phẩm mới thường xuyên.

**3. Marketing và quảng bá:**

* Xây dựng chiến lược marketing hiệu quả để thu hút khách hàng tiềm năng.
* Quảng bá website trên các kênh online và offline phù hợp.
* Tham gia các chương trình khuyến mãi, ưu đãi để kích thích mua sắm.

**4. Hỗ trợ khách hàng:**

* Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng chuyên nghiệp, tận tâm.
* Giải đáp thắc mắc, hỗ trợ mua hàng và thanh toán nhanh chóng.
* Xử lý khiếu nại và đổi trả sản phẩm hiệu quả.

**5. Hệ thống thanh toán và vận chuyển:**

* Hỗ trợ nhiều phương thức thanh toán an toàn, tiện lợi.
* Cung cấp dịch vụ vận chuyển nhanh chóng, uy tín.
* Cập nhật thông tin đơn hàng và trạng thái giao hàng thường xuyên.

**6. Bảo mật thông tin:**

* Đảm bảo an toàn cho thông tin cá nhân và dữ liệu thanh toán của khách hàng.
* Áp dụng các biện pháp bảo mật tiên tiến để chống lại hacker và mã độc.

**7. Phân tích dữ liệu:**

* Theo dõi và phân tích dữ liệu hành vi khách hàng để cải thiện website và chiến lược kinh doanh.
* Sử dụng dữ liệu để cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm cho từng khách hàng.

**8. Cập nhật xu hướng:**

* Nắm bắt và cập nhật các xu hướng mới nhất trong lĩnh vực TMĐT.
* Áp dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động của website.

**Kết luận:**

Thành công của một trang web TMĐT phụ thuộc vào nhiều yếu tố, đòi hỏi sự đầu tư, nỗ lực và cập nhật liên tục. Bằng cách chú trọng vào những lưu ý trên, doanh nghiệp có thể xây dựng một website TMĐT hiệu quả, thu hút khách hàng và gia tăng doanh thu.

## CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG

### 2.1 Ngôn ngữ HTML

#### 2.1.1 Khái niệm

HTML (HyperText Markup Language) là ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản, là ngôn ngữ nền tảng để tạo ra các trang web. Nó cung cấp cấu trúc và nội dung cho trang web, giúp người dùng có thể truy cập và tương tác với thông tin trên mạng. HTML được viết dưới dạng các thẻ và thuộc tính, được trình duyệt web giải mã để hiển thị nội dung trên màn hình.

#### 2.1.2 Tổng quan về ngôn ngữ HTML

**Cấu trúc cơ bản của một trang HTML:**

* <!DOCTYPE html>: Khai báo loại tài liệu là HTML5.
* <html>: Mở thẻ HTML, bao gồm tất cả nội dung của trang web.
* <head>: Chứa thông tin meta về trang web, như tiêu đề, charset, liên kết đến css,...
* <title>: Hiển thị tiêu đề của trang web trên thanh tiêu đề trình duyệt.
* <body>: Chứa nội dung chính của trang web, hiển thị cho người dùng.
* </body>: Đóng thẻ body.
* </html>: Đóng thẻ HTML.

**Ưu điểm của HTML:**

* Dễ học và sử dụng.
* Phổ biến và được hỗ trợ bởi tất cả các trình duyệt web.
* Có thể kết hợp với các ngôn ngữ lập trình khác như CSS và JavaScript để tạo ra các trang web phức tạp và đẹp mắt.

**Nhược điểm của HTML:**

* Chỉ có thể tạo ra cấu trúc và nội dung cơ bản cho trang web.
* Để tạo ra các trang web đẹp mắt và có tính tương tác cao, cần kết hợp với CSS và JavaScript.

**Công cụ hỗ trợ viết HTML:**

* Trình soạn thảo văn bản: Notepad, Sublime Text, Visual Studio Code,...
* Công cụ WYSIWYG: Dreamweaver, Bluefish,...
* Ở bài tập lớn này em sử dụng Visual Studio Code viết HTML

#### 2.1.3 Sử dụng để xây dựng giao diện Website

HTML đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng giao diện website, cung cấp cấu trúc và nội dung cho các trang web. Bằng cách sử dụng các thẻ HTML, bạn có thể tạo ra các heading, đoạn văn, hình ảnh, bảng, danh sách, liên kết,... và sắp xếp chúng một cách hợp lý để tạo ra giao diện website đẹp mắt và dễ sử dụng.

**Một số ví dụ về việc sử dụng HTML để xây dựng giao diện website:**

* **Tạo heading cho các phần khác nhau của trang web:**

HTML

<h1>Tiêu đề chính</h1>

<h2>Tiêu đề phụ 1</h2>

<h3>Tiêu đề phụ 2</h3>

* **Tạo đoạn văn bản:**

HTML

<p>Đây là một đoạn văn bản.</p>

* **Hiển thị hình ảnh:**

HTML

<img src="image.jpg" alt="Mô tả hình ảnh">

* **Tạo liên kết đến trang web khác:**

HTML

<a href="https://www.example.com">Trang web khác</a>

* **Tạo bảng dữ liệu:**

HTML

<table>

<tr>

<th>Tên</th>

<th>Email</th>

</tr>

<tr>

<td>Nguyễn Văn A</td>

<td>nguyenvana@example.com</td>

</tr>

<tr>

<td>Trần Thị B</td>

<td>tranthib@example.com</td>

</tr>

</table>

**Kết luận:**

Việc sử dụng các thẻ HTML phù hợp và tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sẽ giúp ta đặt một khung sườn hiệu quả cho website.

### 2.2 CSS (Cascading Style Sheets)

#### 2.2.1 Khái niệm

**CSS** (Cascading Style Sheets) là ngôn ngữ lập trình được sử dụng để **định dạng giao diện trang web**. Nó giúp bạn kiểm soát cách hiển thị các yếu tố HTML trên màn hình, bao gồm màu sắc, phông chữ, bố cục, kích thước,... CSS giúp tạo ra các trang web đẹp mắt, đồng nhất và dễ sử dụng.

**CSS hoạt động bằng cách:**

* **Đọc các quy tắc CSS được viết trong tệp CSS hoặc được nhúng trực tiếp vào trang HTML.**
* **Áp dụng các quy tắc CSS cho các phần tử HTML được chọn bởi các selector.**
* **Hiển thị các phần tử HTML theo các định dạng được xác định trong CSS.**

**Ưu điểm của CSS:**

* **Dễ học và sử dụng.**
* **Giúp tạo ra các trang web đẹp mắt và đồng nhất.**
* **Tách biệt nội dung và giao diện, giúp dễ dàng bảo trì và cập nhật trang web.**
* **Tăng tốc độ tải trang web.**
* **Hỗ trợ nhiều trình duyệt web.**

**Nhược điểm của CSS:**

* **Chỉ có thể định dạng giao diện trang web, không thể tạo ra nội dung động.**
* **Cần kết hợp với HTML để tạo ra trang web hoàn chỉnh.**

#### 2.2.2 Tổng quan về CSS

**Cấu trúc cơ bản của một quy tắc CSS:**

CSS

selector {

property: value;

}

* **Selector:** Chọn các phần tử HTML mà bạn muốn định dạng. Ví dụ: h1, p, #my-id, .my-class,...
* **Property:** Thuộc tính CSS xác định khía cạnh nào của phần tử HTML mà bạn muốn định dạng. Ví dụ: color, font-family, background-color, width, height, margin, padding,...
* **Value:** tính CSS. Ví dụ Giá trị cụ thể cho thuộc: red, Arial, sans-serif, #f0f0f0, 200px, 10px,...

**Kết luận:**

CSS là công cụ thiết yếu trong việc xây dựng trang TMĐT hiệu quả. Việc sử dụng CSS hợp lý sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra trang web đẹp mắt, thu hút, mang lại trải nghiệm mua sắm cho khách hàng và tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

### ****2.3 Giới thiệu về Bootstrap 4****

**Giới thiệu Bootstrap 4**: Bootstrap 4 là một framework front-end phổ biến giúp xây dựng giao diện web responsive và đẹp mắt.

**Ưu điểm**:

* Dễ sử dụng với cú pháp HTML, CSS và JavaScript đơn giản.
* Responsive tự động điều chỉnh cho mọi kích thước màn hình.
* Miễn phí và có cộng đồng lớn hỗ trợ.
* Cung cấp nhiều component giúp tạo ra giao diện web phức tạp.

**Nhược điểm**:

* Có thể làm trang web trở nên nặng nề nếu sử dụng quá nhiều component.
* Thiếu tính linh hoạt trong thiết kế giao diện độc đáo.

**Ví dụ về sử dụng Bootstrap 4**:

Tạo layout, buttons, forms, modals, navigation bars cho trang web.

**Kết luận**: Bootstrap 4 là lựa chọn tốt cho các dự án web quy mô nhỏ và trung bình, dễ sử dụng và hiệu quả. Đối với các giao diện phức tạp, có thể xem xét sử dụng các framework khác như React, Angular hoặc Vue.js.

# CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG

## 3.1 Biểu đồ Use-case

### 3.1.1 Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Quản lí hệ thống | Quản lí toàn bộ hệ thống wedsite |
| 2 | Người dùng | Đặt hàng và quản lí thông tin cá nhân |

*Bảng 1: Danh sách các Actor*

### 3.1.2 Danh sách các UseCase

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Quản lý sản phẩm | QL thông tin các sản phẩm |
|  |  |  |
| 2 | Quản lý loại sản phẩm | QL thông tin các loại sản phẩm của hệ thống |
| 3 | Quản lý hóa đơn bán | QL hóa đơn bán ra các sản phẩm cho khách hang |
| 4 | Quản lý hóa đơn nhập | QL hóa đơn nhập về từ nhà cung cấp |
| 5 | Quản lý nhân viên | Quản trị quản lý nhân viên làm việc trong hệ thống |
| 6 | Quản lý thống kê, báo cáo | Thống kê, báo cáo doanh thu từng tháng |

*Bảng 2: Danh sách các Use-case*

## 3.2 Biểu đồ Use-case tổng quát

Ảnh có chứa biểu đồ, văn bản, hình vẽ, hàng

Mô tả được tạo tự động

*Hình 1: Biểu đồ Use-case tổng quát*

*Link xem chi tiết:* [*Use-case\_TQ*](data-usecase-html/Use-case_TQ.drawio.html)

## 3.3 Đặc tả Use-case quản lí sản phẩm

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, hàng, vòng tròn

Mô tả được tạo tự động

*Hình 2: Use-case phân rã QL loại sản phẩm*

*Link xem chi tiết:*[*Use-case-ql-loai-sp*](data-usecase-html/ql_SP.drawio.html)

**Mô tả tóm tắt:**

* + Tác nhân chính: Quản trị
  + Chức năng: thêm, sửa, xóa hiển thị danh sách các loại sản phẩm
  + Ý nghĩa: QT quản lí các loại sản phẩm

## 3.4 Đặc tả Use-case quản lí hóa đơn nhập

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, hàng, vòng tròn

Mô tả được tạo tự động

*Hình 3: Use-case QL hóa đơn nhập*

*Link xem chi tiết:*[*Use-case-ql-hoa-don-nhap*](data-usecase-html/hoa-don-nhap.drawio.html)

**Mô tả tóm tắt:**

* + Tác nhân chính: Quản trị
  + Chức năng: thêm hiển thị danh sách hóa đơn nhập
  + Ý nghĩa: quản lí hóa đơn nhập sản phẩm mới về

## 3.5 Đặc tả Use-case quản lí hóa đơn bán

Ảnh có chứa hình vẽ, văn bản, bản phác thảo, biểu đồ

Mô tả được tạo tự động

*Hình 4: Use-case QL hóa đơn bán*

*Link xem chi tiết:*[*Use-case-ql-hoa-don-ban*](data-usecase-html/hoa-don-ban.drawio.html)

**Mô tả tóm tắt:**

* + Tác nhân chính: Quản trị
  + Chức năng: duyệt, hiển thị danh sách hóa đơn bán
  + Ý nghĩa: quản lí hóa đơn khi khách đặt hàng

## 3.6 Đặc tả Use-case quản lí nhân viên

Ảnh có chứa biểu đồ, văn bản, hình vẽ, bản phác thảo

Mô tả được tạo tự động

*Hình 5: Use-case QL nhân viên*

*Link xem chi tiết:*[*Use-case-ql-nhanvien*](data-usecase-html/ql_nhan_vien.drawio.html)

**Mô tả tóm tắt:**

* + Tác nhân chính: Quản trị
  + Chức năng: thêm, sửa, xóa hiển thị danh sách nhân viên
  + Ý nghĩa: QT quản lí nhân viên

## 3.7 Đặc tả Use-case quản lí thống kê, báo cáo

Ảnh có chứa văn bản, biểu đồ, vòng tròn, hàng

Mô tả được tạo tự động

*Hình 6: Use-case QL thống kê, báo cáo*

*Link xem chi tiết:*[*Use-case-thongke-baocao*](data-usecase-html/thongke-baocao.drawio.html)

Mổ tả tóm tắt:

* Người dung: Quản trị
* Chức năng: Thống kê doanh thu và lập báo cáo
* Quản lí thống kê, báo cáo

## 3.8 Thiết kế cơ sở dữ liệu

3.8.1 Thiết kế cơ sở dữ liệuẢnh có chứa văn bản, biểu đồ, số, Song song

Mô tả được tạo tự động

*Hình 7:Lược đồ cơ sở dữ liệu*

*Link xem chi tiết:* [*Luoc\_do\_database*](file:///D:\Ki%20thuat%20phan%20mem\data-usecase-html\Database_NA_Shopdrawio.drawio.html)

### 3.8.2 Chi tết các trường và rằng buộc

*Các trường:*

**Khach\_hang**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_khach\_hang | int | (khóa chính) |  |
| 2 | ho\_ten | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | email | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | so\_dien\_thoai | nvarchar(256) |  |  |
| 5 | dia\_chi | nvarchar(256) |  |  |
| 6 | ngay\_sinh | date |  |  |
| 7 | gioi\_tinh | nvarchar(256) |  |  |
| 8 | ngay\_dang\_ky | date |  |  |
| 9 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | (hoạt động, tạm ngưng, khóa) |

**San\_pham**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_san\_pham | Int | (khóa chính) |  |
| 2 | ten\_san\_pham | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | mo\_ta\_chi\_tiet | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | gia\_ban | Float |  |  |
| 5 | so\_luong\_ton\_kho | nvarchar(256) |  |  |
| 6 | hinh\_anh | img |  |  |
| 7 | id\_danh\_muc | Int |  |  |
| 8 | id\_nha\_san\_xuat | Int |  |  |
| 9 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | còn hàng, hết hàng, tạm ngưng bán |

**Danh\_muc**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_danh\_muc | int | (khóa chính) |  |
| 2 | ten\_danh\_muc | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | mo\_ta | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | danh\_muc\_cha | nvarchar(256) |  |  |

**Nha\_san\_xuat**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_nha\_san\_xuat | int | (khóa chính) |  |
| 2 | ten\_nha\_san\_xuat | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | dia\_chi | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | so\_dien\_thoai | nvarchar(256) |  |  |
| 5 | email | nvarchar(256) |  |  |
| 6 | trang\_web | nvarchar(256) |  |  |

**Đon\_hang**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_don\_hang | int | (khóa chính) |  |
| 2 | id\_khach\_hang | int |  |  |
| 3 | ngay\_dat\_hang | date |  |  |
| 4 | tong\_tien | float |  |  |
| 5 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | chờ xác nhận, đang xử lý,  đã giao hàng, đã hủy |
| 6 | dia\_chi\_giao\_hang | nvarchar(256) |  |  |
| 7 | ghi\_chu | nvarchar(256) |  |  |
| 8 | id\_phuong\_thuc\_tt | int |  |  |
| 9 | id\_shipper | int |  |  |

**Chi\_tiet\_don\_hang**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_chi\_tiet\_don\_hang | int | (khóa chính) |  |
| 2 | id\_don\_hang | Int |  |  |
| 3 | id\_san\_pham | Int |  |  |
| 4 | so\_luong | Int |  |  |
| 5 | don\_gia | Float |  |  |
| 6 | giam\_gia | nvarchar(256) |  |  |

**Phuong\_thuc\_thanh\_toan**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_phuong\_than\_thanh\_toan | int | (khóa chính) |  |
| 2 | ten\_phuong\_thuc | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | mo\_ta | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | (hoạt động, tạm ngừng) |

**Thanh\_toan**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_thanh\_toan | int | (khóa chính) |  |
| 2 | id\_don\_hang | Int |  |  |
| 3 | id\_phuong\_thuc\_thanh\_toan | Int |  |  |
| 4 | so\_tien | Float |  |  |
| 5 | ngay\_thanh\_toan | Date |  |  |
| 6 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | (chưa thanh toán, đã thanh toán, thất bại) |

**Shipper**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_shipper | int | (khóa chính) |  |
| 2 | ho\_ten | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | so\_dien\_thoai | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | email | nvarchar(256) |  |  |
| 5 | dia\_chi | nvarchar(256) |  |  |
| 6 | ngay\_sinh | date |  |  |
| 7 | gioi\_tinh | nvarchar(256) |  |  |
| 8 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | (hoạt động, tạm nghỉ, khóa) |
| 9 | id\_phuong\_tien | int |  |  |

**Lich\_su\_giao\_hang**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_lich\_su\_giao\_hang | int | (khóa chính) |  |
| 2 | id\_don\_hang | Int |  |  |
| 3 | id\_shipper | int |  |  |
| 4 | ngay\_giao\_hang | Date |  |  |
| 5 | dia\_diem\_giao\_hang | nvarchar(256) |  |  |
| 6 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | Đã/đang giao |

**Danh\_gia\_shipper**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_danh\_gia | int | (khóa chính) |  |
| 2 | id\_don\_hang | int |  |  |
| 3 | id\_shipper | int |  |  |
| 4 | diem\_danh\_gia | float |  |  |
| 5 | noi\_dung\_danh\_gia | nvarchar(256) |  |  |

**Khu\_vuc\_giao\_hang**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_khu\_vuc | int | (khóa chính) |  |
| 2 | ten\_khu\_vuc | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | mo\_ta | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | phi\_ship | nvarchar(256) |  |  |

**Ma\_giam\_gia**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_ma\_giam\_gia | int | (khóa chính) |  |
| 2 | ten\_ma\_giam\_gia | nvarchar(256) |  |  |
| 3 | ma\_giam\_gia | nvarchar(256) |  |  |
| 4 | loai\_ma\_giam\_gia | nvarchar(256) |  | Phần trăm, cố định |
| 5 | chiet\_khau | nvarchar(256) |  |  |
| 6 | dieu\_kien\_ap\_dung | nvarchar(256) |  |  |
| 7 | ngay\_bat\_dau | nvarchar(256) |  |  |
| 8 | ngay\_ket\_thuc | nvarchar(256) |  |  |
| 9 | so\_luong\_su\_dung\_toi\_da | nvarchar(256) |  |  |
| 10 | trang\_thai | nvarchar(256) |  | (hoạt động, đã hết hạn) |

**San\_pham\_tra\_lai**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Rằng buộc** | **Mô tả** |
| 1 | id\_san\_pham\_tra\_lai | int | (khóa chính) |  |
| 2 | id\_don\_hang | int | (khóa chính) |  |

# CHƯƠNG 4: DEMO GIAO DIỆN WEBSITE

## 4.1 Page Home

**Cấu trúc trang:**

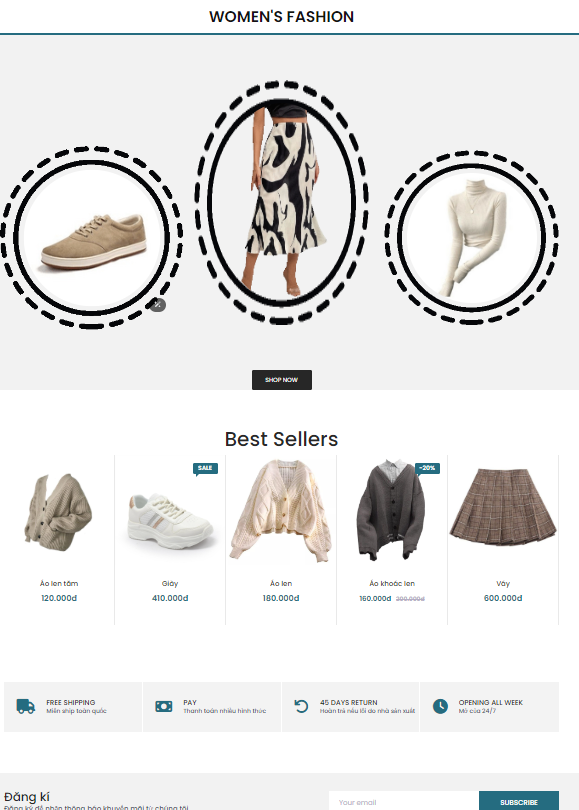
* Phần đầu trang chủ có chức năng chọn ngôn ngữ “English”

hoặc “Vietnamese”, và chức năng đăng kí tài khoản và đăng nhập.

* Tiếp theo đó là phần giảm giá và danh mục sản phẩm như: quần áo, giày, túi & kính
* Tiếp theo đó là những sản phẩm Hot Trend, Top Look For, Women Fashion và Best Sellers của shop.
* Cuối phần trang chủ là những chính sách đặc biệt của shop với người tiêu dung như: giao hang miễn phí, đổi trả,…Khách hàng cũng có thể để lại gmail để được tư vấn chi tiết hơn

Ảnh có chứa văn bản, trang phục, cười, ảnh chụp màn hình

Mô tả được tạo tự độngẢnh có chứa văn bản, Mẫu vẽ (Thiết kế thời trang), thời trang

Mô tả được tạo tự động

**­**Xem chi tiết hơn tại link: [Page\_Home](Ngoc_Anh_Shop/index.html)

## 4.2 Page Contact

**Cấu trúc trang:**

* Phần đầu trang vẫn là thanh điều hướng trang như ở phía trang chủ.
* Tiếp theo đó là thông tin của chủ shop.
* Cuối phần trang là những thông tin để liên lạc với shop và các page của shop ở trên nền tảng khác như facebook,..Khách hàng có thể để lại thông tin để góp ý cho shop

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, trang phục, Mặt người

Mô tả được tạo tự độngẢnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, phần mềm, Trang web

Mô tả được tạo tự động

Xem chi tiết hơn tại link: [Page\_Contact](Ngoc_Anh_Shop/contact.html)

## 4.3 Page Categories

**Cấu trúc trang:**

* Phần đầu trang vẫn là thanh điều hướng trang như ở phía trang chủ.
* Tiếp theo đó là khách hàng có thể lọc sản phẩm theo size, sắp xếp sản phẩm theo giá, chọn show ra nhiều sản phẩm hơn.
* Cuối phần trang là những chính sách đặc biệt của shop với người tiêu dung như: giao hàng miễn phí, đổi trả,…Khách hàng cũng có thể để lại gmail để được tư vấn chi tiết hơn

Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, thời trang, thiết kế

Mô tả được tạo tự động Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, thiết kế

Mô tả được tạo tự động

Xem chi tiết hơn tại link: [Page\_categories](Ngoc_Anh_Shop/categories.html)

## 4.4 Page Single

**Cấu trúc trang:**

* Trang này sẽ mô tả chi tiết về sản phẩm để khách hàng có thể hiểu rõ chất lượng, giá của sản phẩm
* Trang cũng có tính năng thêm nhiều sản phẩm vào giỏ hàng, chọn màu, thêm vào mục sản phẩm yêu thích…
* Cuối phần trang là những chính sách đặc biệt của shop với người tiêu dung như: giao hàng miễn phí, đổi trả,…Khách hàng cũng có thể để lại gmail để được tư vấn chi tiết hơn

Ảnh có chứa văn bản, túi xách tay, phụ kiện, Hành lý và túi xách

Mô tả được tạo tự độngẢnh có chứa văn bản, phụ kiện, túi, Hành lý và túi xách

Mô tả được tạo tự động

Xem chi tiết hơn tại link: [Page\_Single](Ngoc_Anh_Shop/single.html)

# CHƯƠNG 5: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## 5.1 Thêm ngôn ngữ javascrip cho trang website

- Em sẽ học và viết thêm ngôn ngữ Javascrip cho trang wed để tăng tương tác giao diện cho trang categories ở phần chuyển hướng danh mục, chuyển trang sản phẩm, lọc sản phẩm theo size và sắp xếp sản phẩm theo giá,.. như link demo trang em đã để ở trên

## 5.2 Liên kết database vào trang website

- Em sẽ học them về việc thêm database từ SQL Sever vào trang wedsite để quản lí thông tin theo đúng như phần database em đã trình bày ở trên.

## 5.4 Tối ưu trang Website

- Trong quá trình phát triển trang Website sau này em sẽ không ngừng tối ưu và cập nhật trang wedsite cho phù hợp và nâng cao trải nghiệm người dùng hơn.

THỰC NGHIỆM

LINK GITHUB: https://github.com/ngocanh0803/K-thu-t-ph-n-m-m.git

# Reference

**TopDev.** (1999, 11/2). **HTML là gì?** <https://topdev.vn/>

**Glints**. **(2002, 8/6).** **CSS là gì?** <https://glints.com/vn>.

**Trường Đại học Kinh tế TP.HCM (Đại học UEH)**. **(2000, 6/11).** **Ngành Thương mại điện tử là gì?** <https://tuyensinh.uel.edu.vn/>.

**Bootstrap Team** **(1992, 4/5).** **Getting started with Bootstrap 4.** <https://getbootstrap.com/docs/4.0/getting-started/introduction/>.

**Pinterest**. **(n.d.).** **Trang web Pinterest.** <https://www.pinterest.com/>.**(Đây là nơi em lấy hình ảnh cho wedsite)**

**GIFMaker Team(n.d.).** **Trang web GIFMaker.** <https://gifmaker.me/>. **(Đây là nơi em tạo ảnh động cho wedsite và xóa phông nền cho ảnh)**